

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2021/DS-PT**
Ngày 25-02-2021
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Phụng**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Hoàng Thành**

Ông **Nguyễn Văn Toàn.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông **Trần Văn Nghiệp** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 51/2020/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 29/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Doanh nghiệp tư nhân P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn M**, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn D, huyện D, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông **Hồ Quốc T**, sinh năm 1960 (Theo Giấy ủy quyền ngày 20/01/2020).

Địa chỉ: Số T, ấp 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Huy L**, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số H đường Nguyễn Văn L, khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Ngọc H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số H đường Đinh Tiên H, phường T, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Tuấn V, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 12 năm 2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 06 tháng 4 năm 2020 của nguyên đơn là Doanh nghiệp tư nhân P và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hồ Quốc T trình bày:*

Hợp đồng giao khoán (về việc thi công bơm cát, công trình công viên truyền hình Vĩnh Long) đã ký vào ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa bị đơn là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng B (viết tắt là Công ty B) với nguyên đơn là Doanh nghiệp tư nhân P (viết tắt là Doanh nghiệp P) đã được thực hiện xong theo biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình ngày 15 tháng 01 năm 2019. Vào ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại Văn phòng Công ty cổ phần đầu tư Xây dựng B, hai bên bàn bạc thống nhất đối chiếu công nợ như sau: Tổng giá trị giao khoán là 3.000.000.000 đồng. Số tiền đã thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân P là 1.690.000.000 đồng. Tiền giữ bảo hành là 150.000.000 đồng và tiền khấu trừ ca máy lương cán bộ là 108.000.000 đồng (*trong đó tiền ca máy 86.000.000 đồng, tiền chi phí lương cán bộ + TV giám sát 22.000.000 đồng*) và bị đơn là Công ty B phải trả cho nguyên đơn là 1.052.000.000 đồng (*một tỷ, không trăm năm mươi hai triệu đồng*).

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn lại là 1.052.000.000 đồng, nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả số tiền còn nợ nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ gốc là 1.052.000.000 đồng cùng tiền lãi của số tiền nêu trên với mức lãi suất là 2%/tháng.

Ngày 06 tháng 4 năm 2020, nguyên đơn đã có đơn khởi kiện bổ sung với nội dung chính như sau: Căn cứ vào Hợp đồng giao khoán (về việc thi công bơm cát, công trình công viên truyền hình Vĩnh Long) đã ký vào ngày 02 tháng 5 năm 2018 và tại bảng đối chiếu công nợ ngày 17 tháng 6 năm 2019 giữa bị đơn và nguyên đơn đều thống nhất số tiền tổng giá trị giao khoán của hợp đồng là 3.000.000.000 đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền là 1.690.000.000 đồng và sau khi đã trừ đi các khoản khấu trừ ca máy lương cán bộ là 108.000.000 đồng (*trong đó tiền ca máy 86.000.000 đồng, tiền chi phí lương*

cán bộ +TV giám sát 22.000.000 đồng) thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 1.052.000.000 đồng và số tiền giữ lại bảo hành là 150.000.000 đồng.

Đến nay, hết thời hạn bảo hành công trình 12 tháng (tính từ ngày 15/01/2019 đến ngày 15/01/2020) nguyên đơn tiếp tục yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng mà bị đơn đã giữ bảo hành, đối với với tiền này nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền cụ thể là: Số tiền còn nợ là 1.052.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 31/3/2020 là 305.080.000 đồng và số tiền bảo hành là 150.000.000 đồng. Tổng số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B phải trả cho nguyên đơn là: 1.507.080.000 đồng (Một tỷ, năm trăm lẻ bảy triệu, không trăm tám chục ngàn đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi chậm trả theo đơn khởi kiện trước đây tổng số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 305.080.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu buộc bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền cụ thể như sau:

Số tiền nợ lại là 1.052.000.000 đồng

Tiền lãi tính từ ngày 17 tháng 6 năm 2019 đến ngày khởi kiện là ngày 31 tháng 3 năm 2020 theo mức lãi suất là 1,66%/tháng cụ thể là 1.052.000.000 đồng x 9 tháng x 1,66%/tháng = 157.168.800 đồng, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tiền lãi là 150.000.000 đồng.

Tiền giữ bảo hành là 150.000.000 đồng

Tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 1.352.000.000 đồng

** Tại các biên bản hòa giải ngày 25 tháng 02 năm 2020, ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B là ông Trần Huy L trình bày:*

Vào ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa bị đơn là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B do ông làm đại diện theo pháp luật để ký hợp đồng giao khoán (về việc thi công bơm cát, công trình công viên Truyền hình Vĩnh Long) với nguyên đơn là Doanh nghiệp P và đã được thực hiện xong theo biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình ngày 15 tháng 01 năm 2019 và đến ngày 17 tháng 6 năm 2019 giữa nguyên đơn và bị đơn có ký xác nhận công nợ.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như sau: Sau khi ký hợp đồng xong bị đơn có yêu cầu nguyên đơn là Doanh nghiệp P cung cấp cát cho công trình. Trong 15 ngày, bị đơn đã cung cấp tài chính cho nguyên đơn, nhưng nguyên đơn đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận mà các bên đã ký. Vì vậy, bị đơn được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Theo biên bản nghiệm thu chốt lại số tiền bị đơn còn nợ lại là 1.052.000.000 đồng nhưng bên Doanh nghiệp P chưa có biên bản nghiệm thu được ký với chủ đầu tư là Phòng Quản lý đô thị thành phố L nên bị đơn không

đồng ý thanh toán cho nguyên đơn và hiện tại công trình vẫn chưa hoàn thành.

Trên thực tế thi công, bị đơn đã tạo mọi điều kiện cho nguyên đơn thi công nhưng nguyên đơn lại không thi công mà giao khoán lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H (viết tắt là Công ty H) và hiện tại Doanh nghiệp P đang nợ Công ty H. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải cùng với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q (viết tắt là: Công ty Q) làm rõ vấn đề nợ nần với Công ty H, nếu có văn bản thỏa thuận được giữa các Công ty nêu trên thì bị đơn đồng ý thanh toán nợ cho nguyên đơn. Đồng thời, yêu cầu Doanh nghiệp P làm biên bản cam kết về xây lắp mặt bằng, đảm bảo an ninh trật tự theo như biên bản ngày 02 tháng 5 năm 2018 mà bị đơn đã ký với nguyên đơn.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung bị đơn có ý kiến như sau: Đối với số tiền 150.000.000 đồng tiền giá trị bảo hành mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả bị đơn không đồng ý. Vì hiện tại công trình chưa hoàn thành đang còn dang dở, chưa nghiệm thu bàn giao nên chưa có tính thời gian từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng nên bị đơn không đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng mà nguyên đơn đang yêu cầu.

Bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ gốc là 1.052.000.000 đồng trên cơ sở nguyên đơn phải làm rõ mọi vấn đề với Công ty H tồn tại là gì. Bên cạnh đó bị đơn đang gặp khó khăn nên cần đưa ra lộ trình để trả nợ cho nguyên đơn, bị đơn chỉ đồng ý trả nợ cho một đơn vị chứ không đồng ý trả cho nhiều đơn vị.

Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 51/2020/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2020 đã quyết định: Căn cứ vào Điều 5; Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 2 và Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân P.

Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B có trách nhiệm thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân P khoản nợ gốc với số tiền là 1.052.000.000 đồng, tiền lãi là 82.957.914 đồng và tiền giữ bảo hành là 150.000.000 đồng, tổng cộng tiền nợ gốc, tiền lãi và tiền giữ bảo hành là 1.284.957.914 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Doanh nghiệp tư nhân P về việc yêu cầu bị đơn là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B

phải trả số tiền lãi là 67.042.086 đồng (Sáu mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai ngàn không trăm tám mươi sáu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/10/2020, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng làm rõ một số vấn đề trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Doanh nghiệp tư nhân P vắng mặt nhưng không có văn bản rút đơn khởi kiện; bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, người đại diện của bị đơn Danh Nghiệp tư nhân P và người đại diện các người làm chứng Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm làm rõ nguồn gốc cung cấp cát cho công trình (Công viên đài truyền hình Vĩnh Long), phiếu nhận cát của thủ kho tại công trình. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận vào ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng giao khoán về việc thi công bơm cát, công trình công viên truyền hình Vĩnh Long (Tổng giá trị giao khoán là 3.000.000.000 đồng, số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 1.690.000.000 đồng, tiền giữ bảo hành là 150.000.000 đồng và tiền khấu trừ ca

máy lương cán bộ là 108.000.000 đồng (*trong đó tiền ca máy 86.000.000 đồng; tiền chi phí lương cán bộ +TV giám sát 22.000.000 đồng*), đến ngày 15 tháng 01 năm 2019 nguyên đơn và bị đơn cùng ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng và ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa hai bên đã cùng nhau ký bảng đối chiếu công nợ và cũng tại bảng đối chiếu nêu trên các bên đều thống nhất được: Số tiền của hợp đồng, số tiền đã trả, số tiền giữ lại bảo hành và số tiền còn nợ lại của hợp đồng và kể từ ngày đối chiếu công nợ đến nay. Như vậy, đây là tình tiết, sự kiện do các bên đương sự thừa nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, việc Doanh nghiệp tư nhân P yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B trả số tiền 1.052.000.000 đồng và tiền giữ bảo hành là 150.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B cho rằng nguyên đơn Doanh nghiệp tư nhân P sau khi ký hợp đồng với bị đơn để thực hiện công tác san lấp mặt bằng công trình của công viên Đài truyền hình Vĩnh Long, nhưng không thi công trực tiếp mà liên doanh với công ty TNHH MTV Q. Sau một thời gian hai công ty này lại khoán lại cho công ty TNHH MTV H thi công trực tiếp tại công trình trong giai đoạn đầu được một thời gian thì ngừng thi công, do Doanh nghiệp tư nhân P liên doanh với công ty TNHH MTV Q không thanh toán tiền theo thỏa thuận, bắt buộc bị đơn phải đứng ra làm cam kết với công ty TNHH MTV H với nội dung là sau khi thi công xong sẽ yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân P và công ty TNHH MTV Q đứng ra chốt công nợ và thanh toán cho công ty TNHH H, sau bị đơn đã ký biên bản chốt nợ, nhưng kể từ ngày 15/6/2019 đến nay Doanh nghiệp tư nhân P, cùng công ty TNHH MTV Q vẫn không chốt công nợ với công ty TNHH MTV H, dẫn đến việc công ty TNHH MTV H liên tục tạo sức ép đối với bị đơn, làm ảnh hưởng tới công tác thi công và thanh quyết toán của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, đối với yêu cầu của bị đơn đề nghị nguyên đơn phải cùng với người làm chứng là công ty TNHH MTV H và công ty TNHH MTV Q ngồi lại làm rõ các nội dung liên quan đến việc nguyên đơn đã thuê, mượn lại hai Công ty nêu trên để thực hiện việc bơm cát tại công trình công viên đài truyền hình Vĩnh Long. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, nguyên đơn chỉ thuê mượn và giao khoán việc bơm cát lại cho công ty TNHH MTV Q, nguyên đơn không thuê mượn lại công ty TNHH MTV H. Hội đồng xét xử nhận thấy, nếu công ty TNHH MTV H và công ty TNHH MTV Q có tài liệu, chứng cứ thể hiện nguyên đơn đã thuê mượn, giao khoán lại việc thi công bơm cát và đã hoàn thành việc thi công bơm cát tại công trình công viên truyền hình Vĩnh Long, thì hai Công ty này có quyền khởi kiện nguyên đơn bằng một vụ án khác tại Tòa án nơi có trụ sở chính của nguyên đơn. Do đó, kháng cáo này của bị đơn công ty cổ phần đầu tư xây dựng B là không có căn cứ.

[5] Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B cho rằng sau khi chốt công nợ, thì Doanh nghiệp tư nhân P không xuất hóa đơn VAT theo yêu cầu của hợp đồng và liên quan đến phần thuế của bị đơn, mà liên tục tạo sức ép cho bị đơn để đòi tiền. Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa

nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng giao khoán về việc thi công bơm cát, công trình công viên đài truyền hình Vĩnh Long, tổng giá trị giao khoán là 3.000.000.000 đồng, đối chiếu công nợ bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ lại là 1.052.000.000 đồng và tiền giữ bảo hành là 150.000.000 đồng và đến nay bị đơn vẫn chưa trả số tiền này cho nguyên đơn, do đó nguyên đơn không xuất hóa đơn VAT theo yêu cầu hợp đồng là đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đối với kháng cáo này của bị đơn công ty cổ phần đầu tư xây dựng B là không có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn công ty cổ phần đầu tư xây dựng B là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn công ty cổ phần đầu tư xây dựng B không được chấp nhận, nên bị đơn công ty cổ phần đầu tư xây dựng B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, Điều 148, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2020/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 21/2020/QĐ-SCBSBA ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Sóc Trăng và được tuyên lại như sau:

Căn cứ vào: Điều 5; Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 2 và Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân P.

1.1. Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B có trách nhiệm thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân P khoản nợ gốc với số tiền là 1.052.000.000 đồng, tiền lãi là 82.957.914 đồng và tiền giữ bảo hành là 150.000.000 đồng, tổng cộng tiền nợ gốc, tiền lãi và tiền giữ bảo hành là 1.284.957.914 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Doanh nghiệp tư nhân P về việc yêu cầu bị đơn là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B phải trả số tiền lãi là 67.042.086 đồng (Sáu mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai ngàn không trăm tám mươi sáu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.548.737 đồng.

2.2. Doanh nghiệp tư nhân P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.352.104 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.780.000 đồng theo các biên lai thu số 0001519 ngày 12/12/2019 và 6.826.200 theo biên lai thu số 0001947 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Sóc Trăng. Doanh nghiệp tư nhân P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.254.096 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng B chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004851 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Sóc Trăng, bị đơn Công ty đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

*** Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Văn Phụng